**Tiết 2: TOÁN**

**BÀI 13: SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần mười); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười).

- Thực hiện được chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân.

**-** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Phiếu bài tập, bảng phụ, máy tính, máy chiếu (nếu có).

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động** |
| - GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện đọc nối tiếp các phân số thập phân có mẫu số là 10. | - HS lắng nghe yêu cầu. |
| - GV tổ chức cho HS đọc trước lớp. | - Đại diện từng thành viên bắt đầu đọc phân số thập phân mà mình tìm được. |
| * Giới thiệu bài mới.
 |  |
| - GV yêu cầu HS xem tranh, nhận biết các phân số thập phân trong hình vẽ. | - Ví dụ: Trên hình vẽ biểu diễn các phân số $\frac{1}{10}$; $\frac{3}{10}$ |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới** |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần mười):**  |  |
| **-** GV đưa phân số thập phân $\frac{1}{10}$ , yêu cầu HS đọc theo nhóm. | - HS làm việc trong nhóm, nhóm trưởng tổ chức cho các thành viên chia sẻ với bạn: |
|  |  $\frac{1}{10}$ *được viết thành 0,1*  *0,1 đọc là “không phẩy một”.*  *0,1 =* $\frac{1}{10}$*Số 0,1 gọi là số thập phân.* |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ. |
| - Thực hiện tương tự với phân số thập phân $\frac{3}{10}$ | $\frac{3}{10}$ được viết thành 0,3  0,3 đọc là “không phẩy ba”.  0,3 = $\frac{3}{10}$Số 0,3 gọi là số thập phân. |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,1 và 0,3 qua bảng cấu tạo sgk/35. | - HS lắng nghe. |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,01 và 0,23 qua bảng cấu tạo sgk/38. | +1HS đọc số, cả lớp nghe, nhận xét. |
| - GV hỏi: *Số thập phân 0,1 gồm mấy phần?*- ***Gv giới thiệu thêm***: *Có thể nói, trong cách ghi số thập phân, người ta dùng dấu phẩy tách phần đơn vị (phần nguyên) với các phân nhỏ hơn đơn vị.* | - STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân, được ngăn cách nhau bởi dấu phẩy. |
| - GV hỏi:+ Trong số 0,1 thì chữ số 0 thuộc hàng nào? | - HS trả lời:+ Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị |
| + Trong số 0,1 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần mười |
| + Nêu giá trị từng hàng của số thập phân 0,3. | + Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị, chữ số 3 thuộc hàng phần mười. |
| **c) GV cho HS quan sát tia số và yêu cầu học sinh thực hiện:** | - HS thực hiện theo yêu cầu. |
| + Đọc các số ở phía trên của tia số sau đó đọc các số ở phía dưới của tia số.+Xác định: mỗi vạch ứng với 0,1 đơn vị.- GV hỏi: *Các số được viết lần lượt theo thứ tự như thế nào?* | - Các số được viết lần lượt theo thứ tự tăng dần. |
| * GV có thể cung cấp về thứ tự các số thập phân
 | * Hs lắng nghe.
 |
| **C. Hoạt động luyện tập, thực hành.** |
| **\* Bài 1:**- GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác:+ Quan sát, phân tích mẫu.+ Nhận biết phần tô màu rồi viết phân số thập phân và số thập phân tương ứng.- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân | - HS thực hiện các thao tác theo hướng dẫn của GV:+ Băng giấy có 10 ô vuông, được tô màu 2 ô vuông.+ Phân số thập phân thể hiện phần được tô màu là $\frac{2}{10}$ = 0,2.- HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  5/10 = 0,5 6/10 = 0,6  |
| GV gọi HS đọc các phân số thập phân và số thập phân vừa có được. | - 2 cặp đôi đứng lên đọc kết quả trước lớp |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2:** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài câu a và b. | - HS đọc  |
| + Quan sát, phân tích mẫu | - 3 HS đọc: Mẫu: $\frac{7}{10}$ = 0,7 |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân, đọc số thập phân đó | - HS tự làm bài, sau đó đọc bài làm nối tiếp trước lớp $\frac{4}{10}$ = 0,4 $\frac{9}{10}$ = 0,9 $\frac{6}{10}$ = 0,6 $\frac{5}{10}$ = 0,5 |
| - GV cử 1 HS đọc to số trong câu c, cả lớp viết số đó vào bảng con và giơ kết quả sau 3 giây. **\* Bài 3:**- GV tổ chức cho HS quan sát, phân tích mẫu. | - HS nghe và thực hiện theo yêu cầu.- HS đọc: Mẫu: 0,4 = $\frac{4}{10}$  |
| - GV gọi HS nêu phần nguyên và phần thập phân của số đã cho. | - Số thập phân 0,4 có phần nguyên là 0, phần thập phân là 4. |
| - GV giới thiệu: *Khi chuyển số thập phân 0,4 thành phân số: tử số chính là chữ số ở hàng phần mười, mẫu số là 10.*  |  |
| - GV chụp bài làm HS và trình chiếu, gọi nhận xét và thống nhất kết quả. | - HS tự làm bài:  0,6 = $\frac{6}{10}$ 0,2 = $\frac{2}{10}$  0,9 = $\frac{9}{10}$ 0,1 = $\frac{1}{10}$ |
| **D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** |
| **Bài 4:** |  |
| - GV yêu cầu HS quan sát thước thang và đối chiếu với số liệu đã cho đề nhận biết về số đo chiều dài của mỗi con vật.- GV hướng dẫn HS hoàn thành các yêu cầu của bài tập+ Chuyển phân số thập phân thành số thập phân.+ Nêu số thập phân thích hợp cho ô trống.- GV tổ chức chữa bài. | - HS nêu số đo của từng con vật và đối chiếu với số liệu: Con kiến dài: $\frac{6}{10}$ cm; con bọ rùa dài: $\frac{8}{10}$ cm.* HS thực hiện yêu cầu vào vở.
* 2 HS đọc kết quả của mình
 |
| **\* Củng cố, dặn dò** |  |
| - GV hỏi: *Tiết học vừa rồi chúng ta đã học được những nội dung gì?* -GV dặn dò HS về nhà có thể tìm thêm các ví dụ tương tự về số thập phân đã học. | - Nhận biết được số thập phân; biết đọc, viết số thập phân (dạng phần mười).- Biết chuyển các phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại.- Biết ghi số đo đại lượng (độ dài) bằng việc sử dụng số thập phân.- HS nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***